

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi Điều 7 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo;

Căn cứ Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 4 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 4 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Tờ trình liên ngành số 460/TTrLN-TC-LĐTĐBXH-NHCSXH ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc Sửa đổi Điều 7 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Điều 7 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa

phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

“Điều 7. Lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn

1. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn tỉnh:
 - a) Lãi suất cho vay bằng mức lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo theo chuẩn quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ;
 - b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.
2. Đối với hộ mới thoát nghèo theo chuẩn tỉnh:
 - a) Lãi suất cho vay bằng mức lãi suất cho vay đối với hộ mới thoát nghèo theo chuẩn quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ;
 - b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.
3. Đối với cho vay giải quyết việc làm và cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Áp dụng mức lãi suất do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.
4. Đối với các đối tượng chính sách khác: Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động – Thương binh và Xã hội; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.
2. Những khoản vay phát sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo lãi suất ghi trên Hợp đồng hoặc Sổ vay vốn mà hộ vay đã ký kết với hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu./.”.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Sở tư pháp (KTVB);
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Báo BR-VT, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, NHCS (32).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông